

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **110/2024/DS-PT**

Ngày: 19/02/2024

V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Tâm**.

Các Thẩm phán:

1. Bà **Lâm Ngọc Tuyên**.

2. Ông **Trương Vĩnh Hữu**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đoàn Nhã**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Hà Thúy Thảo**, Kiểm sát viên.

Ngày **19** tháng **02** năm **2024**, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 107/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:*

1. Ông **Bùi Văn C**, sinh năm 1974.

2. Bà **Lê Thị Thanh V**, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Số A khu phố 1, phường T, TP. BH, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ hiện nay: Số 91/7 khu phố X, đường L, phường Y, TP. M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Cao Văn Đ**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số XY khu phố 4, phường T, Quận C, TP. Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: XY Lê Văn L, xã P, huyện N, TP. Hồ Chí Minh (có mặt).

** Bị đơn:*

1. Ông **Phùng Quang T**, sinh năm 1977 (có mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số XK đường Phan Lương T, khu phố V, phường N, TP. M, tỉnh

Tiền Giang.

** Người kháng cáo: bị đơn Phùng Quang T.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2022 của nguyên đơn là ông Bùi Văn C, bà Lê Thị Thanh V và lời trình bày của ông Cao Văn Đ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Do mối quan hệ quen biết từ trước, ngày 16/01/2020 ông Phùng Quang T có vay của ông C, bà V số tiền 621.800.000 đồng, gồm tiền mặt 410.000.000 đồng, tiền lãi của tiền vay trước đây chưa thanh toán 165.400.000 đồng, tiền phưởng (tiền hụi) 46.400.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên được hai bên thỏa thuận là tiền gốc của tiền vay và có làm giấy mượn tiền ngày 16/01/2020 do ông C viết và ông T ký tên. Về lãi suất: Hai bên thỏa thuận tiền lãi trả theo tháng là 15.200.000 đồng/tháng trên số tiền gốc 410.000.000 đồng (tương đương 3,71%/tháng). Còn số tiền lãi của tiền vay trước đây và tiền phưởng không tính lãi. Thời hạn vay 6 tháng từ ngày 16/01/2020 đến ngày 15/7/2020, thời hạn này có khác so với giấy vay tiền ngày 16/01/2020 được ghi nhận là 2 tháng do các bên có thỏa thuận miệng (thỏa thuận lại) là thời hạn vay 6 tháng. Kể từ tháng 8/2020 đến nay, ông T chỉ trả tiền lãi 78.600.000 đồng mặc dù nguyên đơn nhiều lần đôn đốc.

Nay ông C, bà V yêu cầu buộc ông T, bà C phải liên đới trả ngay số tiền nợ cho ông C, bà V toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán. Tạm tính số tiền phải thanh toán đến tháng 9/2022 là 987.800.000 đồng, trong đó nợ gốc là 621.800.000 đồng, tiền lãi là 366.000.000 đồng (gồm tiền lãi từ tháng 1/2020 đến tháng 8/2020 là 64.600.000 đồng, tiền lãi của khoản nợ gốc 410.000.000 đồng từ tháng 8/2020 đến tháng 9/2022 là 25 tháng x 15.200.000 đồng/tháng = 380.000.000 đồng (sau khi đã trừ số tiền lãi 78.600.000 đồng mà ông T đã trả).

Trường hợp ông T, bà C không tự nguyện thanh toán số tiền trên thì ông C, bà V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác minh điều kiện thi hành án của ông T, bà C để yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2023 và bản khai bổ sung ngày 02/8/2023, bị đơn ông Phùng Quang T trình bày:*

Ngày 16/01/2020, ông có làm giấy mượn tiền của ông C tổng số tiền 623.000.000 đồng, chi tiết từng mục như sau: Tổng số tiền vay 410.000.000 đồng, tiền lãi 1 năm là 165.400.000 đồng, tiền phưởng là 46.400.000 đồng. Thời hạn hẹn trả 2 tháng kể ngày làm giấy. Bà C là vợ ông không có liên quan đến số tiền nợ này. Nay ông C yêu cầu ông trả số tiền gốc 621.800.000 đồng, tiền lãi vay chưa thanh toán 366.000.000 đồng, tổng cộng là 987.800.000 đồng thì ông nhận thấy các yêu cầu này thiếu căn cứ pháp lý làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông.

Về số tiền 621.800.000 đồng thực chất không phải tiền vay mà là tiền nợ ông phải trả cho ông C, trong đó bao gồm các khoản tiền: Tiền vay trước đó là 410.000.000 đồng, tiền lãi 1 năm là 165.400.000 đồng, tiền phưởng là 46.400.000 đồng. Cho đến ngày 16/01/2020, hai bên thống nhất làm giấy chốt lại số nợ mà ông phải trả cho ông C.

Về tiền lãi: Ông C yêu cầu phải trả 366.000.000 đồng thì ông không đồng ý vì hoàn toàn không có cơ sở và lãi suất quá cao, bởi các lý do sau: Giấy mượn tiền ngày 16/01/2020 là giấy chốt nợ mà ông phải trả cho ông C chứ không nói là vay tiền. Trong

giấy mượn tiền ngày 16/01/2020 như ông đã trình bày ở trên là do chốt lại số nợ trước nên hai bên cũng không có thỏa thuận về lãi và đặc biệt là không quy định lãi suất trả theo tháng là 15.200.000 đồng/tháng, tương đương 3,71%. Như vậy, lãi suất do ông C tự đặt ra, không có trong nội dung thỏa thuận trong giấy mượn tiền và không phù hợp quy định pháp luật (lãi suất quá cao).

Nay ông yêu cầu không chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi 366.000.000 đồng. Yêu cầu xử cho ông chỉ trả số tiền gốc 621.800.000 đồng và cộng với lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật. Xin cho ông được trả dần số tiền nợ này mỗi tháng 5.000.000 đồng vì hoàn cảnh gia đình hiện nay kinh doanh khó khăn do hậu Covid-19.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến phản hồi gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn C, bà Lê Thị Thanh V.

Buộc ông Phùng Quang T, bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Văn C, bà Lê Thị Thanh V số tiền nợ gốc 563.618.000 đồng và tiền lãi 162.065.000 đồng, tổng cộng là 725.683.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 27 tháng 10 năm 2023, bị đơn Phùng Quang T kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị C liên đới trả nợ và điều chỉnh lại số tiền lãi, cụ thể trừ số tiền lãi anh đã trả là 125.000.000 đồng vào số tiền lãi mà anh phải trả.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phùng Quang T thay đổi yêu cầu kháng cáo, ông đồng ý trả cho nguyên đơn Bùi Văn C, bà Lê Thị Thanh V số tiền vốn và tiền như bản án sơ thẩm, chỉ xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý cho trả dần. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phùng Quang T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Phùng Quang T thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bản án sơ thẩm buộc bị đơn Phùng Quang T, Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Bùi Văn C, bà Lê Thị Thanh V số tiền vốn vay 351.818.000 đồng (sau khi trừ số tiền lãi đã đóng vượt quá quy định pháp luật là 58.182.000 đồng); tiền lãi quá hạn là 162.065.000 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Nguyễn Thị C không kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Phùng Quang T đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa phúc thẩm để ông có thời gian nhờ người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông. Xét thấy, vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 26/01/2024, nhưng ông T, bà C vắng mặt, nên Tòa án nhân dân tỉnh hoãn phiên tòa và mở lại vào ngày 19/02/2024, việc ông Phùng Quang T đề nghị hoãn phiên tòa không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn Bùi Văn C, Lê Thị Thanh V khởi kiện yêu cầu bị đơn Phùng Quang T và Nguyễn Thị C trả số tiền 621.800.000 đồng, tiền lãi là 366.000.000 đồng (gồm tiền lãi từ tháng 1/2020 đến tháng 8/2020 là 64.600.000 đồng, tiền lãi của khoản nợ gốc 410.000.000 đồng từ tháng 8/2020 đến tháng 9/2022 là 25 tháng x 15.200.000 đồng/tháng = 380.000.000 đồng (sau khi đã trừ số tiền lãi 78.600.000 đồng mà ông T đã trả).

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy mượn tiền ngày 16/01/2020 có nội dung: “*Vợ chồng tôi có mượn của anh chị Bùi Văn C tổng số tiền 623.000.000 đồng. Chi tiết từng mục: Tổng vốn vay 410.000.000 đồng. Tiền lãi 1 năm 165.400.000 đồng. Tiền phurong là 46.400.000 đồng. Thời gian hẹn trả là 2 tháng kể từ ngày làm giấy*”, giấy mượn tiền có chữ ký của ông C, bà V và ông T, không có chữ ký của bà Nguyễn Thị C (vợ ông T) (bút lục 72).

[2.2] Bị đơn Phùng Quang T thừa nhận chữ ký trong giấy nhận nợ ngày 16/01/2020 và đồng ý trả số tiền gốc 621.800.000 đồng và cộng với lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật; không đồng ý trả lãi theo mức lãi suất do nguyên đơn yêu cầu. Xin cho ông được trả dần số tiền nợ này mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Xét, ông Phùng Quang T thừa nhận và đồng ý trả số tiền 621.800.000 đồng cho ông C, là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Trong giai đoạn sơ thẩm, ông Cao Văn Đ, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định khi ký kết giấy mượn tiền ngày 16/01/2020, hai bên có thỏa thuận lãi suất 15.200.000 đồng/tháng cho khoản tiền vay 410.000.000 đồng (tương đương 3,71%/tháng) và ông T đã đóng tiền lãi được 78.600.000 đồng. Ông Điền yêu cầu tính lãi suất theo quy định khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm đối với số tiền 410.000.000 đồng từ ngày viết giấy mượn tiền đến ngày xét xử sơ thẩm, sau khi đã trừ số tiền lãi ông T đã trả là 78.600.000 đồng.

Bị đơn Phùng Quang T trình bày lãi suất do hai bên thỏa thuận là 5%/tháng và tờ khai bổ sung ngày 02/8/2023 của ông T thì ông T cho rằng hai bên không có thỏa thuận về lãi và không quy định lãi suất trả theo tháng là 15.200.000 đồng/tháng.

Bản án sơ thẩm nhận định: giao dịch vay tiền giữa ông Bùi Văn C, bà Lê Thị Thanh V với ông Phùng Quang T là trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất được xác định lại là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự và tính tiền lãi của khoản tiền 410.000.000 đồng từ ngày 16/01/2020 đến ngày 16/7/2020 là: 410.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 6 tháng = 20.418.000 đồng. Đồng thời, nhận định ông Cao Văn Đ thừa nhận ông T đã trả tiền lãi tổng cộng 78.600.000 đồng theo lãi suất 3,71%/tháng là vượt quá quy định pháp luật nên trừ số tiền lãi đã đóng vượt quy định pháp luật là 78.600.000 đồng – 20.418.000 đồng = 58.182.000 đồng. Từ đó, bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải trả vốn gốc còn lại là 410.000.000 đồng – 58.182.000 đồng = 351.818.000 đồng và buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi quá hạn từ ngày 17/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 351.818.000 đồng x 0,83%/tháng x 150% x 37 tháng (làm tròn tháng) = 162.065.000 đồng, là phù hợp theo quy định khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Phùng Quang T thay đổi yêu cầu kháng cáo, ông đồng ý trả cho nguyên đơn Bùi Văn C, bà Lê Thị Thanh V số tiền vốn và tiền lãi như bản án sơ thẩm, chỉ xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Ông Cao Văn Đ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bùi Văn C, bà Lê Thị Thanh V không đồng ý cho ông Phùng Quang T trả dần, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, là có căn cứ

[6] Về án phí: Ông Phùng Quang T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phùng Quang T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 107/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn C, bà Lê Thị Thanh V.

Buộc ông Phùng Quang T, bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Văn C, bà Lê Thị Thanh V số tiền nợ gốc 563.618.000 đồng và tiền lãi 162.065.000 đồng, tổng cộng là 725.683.000 đồng (Bảy trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí: Ông Phùng Quang T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ông đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005274 ngày 10/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, nên xem như nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Phùng Quang T, bà Nguyễn Thị C phải nộp 33.027.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Bùi Văn C, bà Lê Thị Thanh V phải nộp 5.468.000 đồng. Ông C, bà V đã nộp 20.817.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0022762 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M nên được hoàn lại 15.349.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND thành phố M;
 - Chi cục THADS thành phố M;
 - Các đương sự;
 - Cổng thông tin điện tử;
 - Lưu hồ sơ vụ án.
- DSPT-2024-Tâm

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm